

Trang/ Page No: 1/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Z649C0352

Mã KQ/ RP. No: 016002391.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 37 Đ. Nguyễn Huệ - P. Lào Cai - TP. Lào Cai - T. Lào Cai
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 21/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 21/03/2025 - 30/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : Bể chứa chi nhánh cấp nước huyện Mường Khương – Số 01 – Đ. Giải Phóng – TT. Mường Khương – H. Mường Khương.
Mã số mẫu 210325.88.
Ngày lấy mẫu: 21/03/2025.
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
2	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
3	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
4	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
6	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
7	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
8	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	2
9	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Z649C0352

Mã KQ/ RP. No: 016002391.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
10	Niken (Ni) (*) ^(s) / Nickel (Ni) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
11	Selen (Se) (*) ^(s) / Selenium (Se) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
12	Sulfua (S ²⁻) (*) ^(s) / Sulfide (S ²⁻) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	EPA 376.2	0.05
13	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
14	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*) ^(s) / Total dissolved solids (TDS) (*) ^(s)	120	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
15	Cyanua (CN ⁻) (*) ^(s) / Cyanide (CN ⁻) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Acrylamide (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.5
18	Epichlorohydrin (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.4
19	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
20	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
21	Permethrin (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
22	Bromate (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022	10
23	Bromodichloromethane (*) ^(s)	1.98	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Z649C0352

Mã KQ/ RP. No: 016002391.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
24	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
25	Chloroform (*) ^(s)	1.94	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
26	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.540 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
27	Hoạt độ phóng xạ alpha (*) (s)/ Gross α-radioactivity (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
28	Hoạt độ phóng xạ beta (*) ^(s) / Gross β-radioactivity (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017. / (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ. / (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp. / LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp. / LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample is provided by the customer.
- (s) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL. / (s) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER



LÝ BÁ HÀO



HUỖNH TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/3
Ngày ban hành/ Date of issue: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Z649C0352
Mã KQ/ RP. No: 017002392.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Số 37 Đ. Nguyễn Huệ - P. Lào Cai - TP. Lào Cai - T. Lào Cai**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **21/03/2025**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **21/03/2025 - 30/03/2025**
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : **VSD1 chi nhánh cấp nước huyện Mường Khương : Phùng Thế Nam –
Số 008 Giải Phóng – TT. Mường Khương – H. Mường Khương.
Mã số mẫu 210325.89.
Ngày lấy mẫu: 21/03/2025.**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu nước chứa trong can nhựa kín**
- Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
2	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
3	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
4	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
6	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
7	Fluorua (F-) (*)/ Fluoride (F-) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
8	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	2
9	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Z649C0352

Mã KQ/ RP. No: 017002392.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
10	Niken (Ni) (*) ^(s) / Nickel (Ni) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
11	Selen (Se) (*) ^(s) / Selenium (Se) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
12	Sulfua (S ²⁻) (*) ^(s) / Sulfide (S ²⁻) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	EPA 376.2	0.05
13	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
14	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	189	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
15	Cyanua (CN ⁻) (*) ^(s) / Cyanide (CN ⁻) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Acrylamide (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.5
18	Epichlorohydrin (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.4
19	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
20	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
21	Permethrin (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
22	Bromate (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022	10
23	Bromodichloromethane (*) ^(s)	3.64	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Z649C0352

Mã KQ/ RP. No: 017002392.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
24	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
25	Chloroform (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.980 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
26	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.853 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
27	Hoạt độ phóng xạ alpha (*) (s)/ Gross α-radioactivity (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
28	Hoạt độ phóng xạ beta (*) ^(s) / Gross β-radioactivity (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ Remarks:

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**) : Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.
- (^s) : Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL./ (^s) : Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Handwritten signature of Lý Bá Hào

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỲNH TÂN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Z649C0352

Mã KQ/ RP. No: 018002393.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Số 37 Đ. Nguyễn Huệ - P. Lào Cai - TP. Lào Cai - T. Lào Cai
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 21/03/2025
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 21/03/2025 - 30/03/2025
- Thông tin mẫu/ Information of Sample (c)** : VSD2 chi nhánh cấp nước huyện Mường Khương: Vương Phúc Phi – Đ. Na Đầy – TT. Mường Khương – H. Mường Khương.
Mã số mẫu 210325.90.
Ngày lấy mẫu: 21/03/2025.
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu nước chứa trong can nhựa kín
- Bảng kết quả/ Results Table** :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N) (*)/ Ammonium (NH ₃ and NH ₄ ⁺ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
2	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
3	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003
4	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
5	Crom (Cr) (*)/ Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.05
6	Đồng (Cu) (*)/ Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	1
7	Fluorua (F ⁻) (*)/ Fluoride (F ⁻) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.02	TS-KT-IC-003:2023 (Ref. EPA 300.1)	1.5
8	Kẽm (Zn) (*)/ Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	2
9	Nhôm (Al) (*)/ Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.2

Handwritten signature

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Z649C0352

Mã KQ/ RP. No: 018002393.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
10	Niken (Ni) (*) ^(s) / Nickel (Ni) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2019 (Ref. TCVN 6665:2011, SMEWW 3120:2017)	0.07
11	Selen (Se) (*) ^(s) / Selenium (Se) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-51:2022	0.01
12	Sulfua (S ²⁻) (*) ^(s) / Sulfide (S ²⁻) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	EPA 376.2	0.05
13	Thủy ngân (Hg) (*) ^(s) / Mercury (Hg) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
14	Tổng chất rắn hoà tan (TDS) (*)/ Total dissolved solids (TDS) (*)	189	mg/L	-	SMEWW 2540 C:2023	1000
15	Cyanua (CN ⁻) (*) ^(s) / Cyanide (CN ⁻) (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.003	TS-KT-QP-71:2022 (Ref. TCVN 6181:1996, ISO 6703-1:1984)	0.05
16	Phenol và dẫn xuất phenol (*) ^(s) / Phenol and its derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2020	1
17	Acrylamide (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-137:2021	0.5
18	Epichlorohydrin (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-192 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.4
19	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine (*) ^(s) / Atrazine and chloro-s-triazine derivatives (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2020	100
20	Chlorpyrifos (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	30
21	Permethrin (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2020	20
22	Bromate (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-142:2022	10
23	Bromodichloromethane (*) ^(s)	2.20	µg/L	-	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 3/3

Ngày ban hành/ Date of issue: 30/03/2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 3Z649C0352

Mã KQ/ RP. No: 018002393.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
24	Bromoform (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
25	Chloroform (*) ^(s)	Vết/ Trace 0.993 (< LOQ = 1)	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
26	Dibromochloromethane (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2022 (Ref. EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
27	Hoạt độ phóng xạ alpha (*) (s)/ Gross α-radioactivity (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.013	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	0.1
28	Hoạt độ phóng xạ beta (*) ^(s) / Gross β-radioactivity (*) ^(s)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (Ref. TCVN 8879:2011, ISO 10704:2009)	1

Chú thích/ Remarks:

- (*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017. / (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ. / (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp. / LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp. / LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp. / The sample is provided by the customer.
- (^s): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ là Trung Tâm Kiểm Nghiệm TSL. / (^s): Item(s) is(are) analyzed by TSL Testing Center as a subcontractor.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

Handwritten signature of Lý Bá Hào

LÝ BÁ HÀO

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



HUỲNH TẤN CƯỜNG

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04